TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HSST
Ngày 20/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH P

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.
*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Tuấn Anh và ông Nguyễn Đức Nghị.
- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Thực - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/HSST-QĐ ngày 11/01/2023 đối với Bị cáo:

Hoàng Thị M;Tên gọi khác:không;
Sinh ngày 16/01/1963; tại huyện T, tỉnh P;
Nơi cư trú: Xóm B, xã M, huyện T, tỉnh P.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 0/10;
Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam
Con ông: Hoàng Văn H, sinh năm 1939 (đã chết) và bà: Hà Thị X, sinh năm 1937;
Chồng: Hoàng Văn Th, sinh năm 1957;
Con: có 03 (ba) con, lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1987.
Tiền án, tiền sự: Không.
Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.
Bị cáo hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện T, tỉnh P (có mặt).

- *Người Bị hại:* Bà **Hà Thị C**, sinh năm 1967;
  Địa chỉ: Xóm Chiềng 2, xã Kim Thượng, huyện T, tỉnh P (có mặt);
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
  1. Chị **Đinh Thị Thuy**, sinh năm 1988;
  Địa chỉ: Xóm B, xã M, huyện T, tỉnh P (có mặt);

2. Chị **Hoàng Thị D**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Xóm Tân Lập, xã Minh Đài, huyện T, tỉnh P (có mặt);

- *Người bào chữa cho Bị cáo:*

Bà **Đinh Thị Hạnh** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt);

Ông **Lê Văn Chi** – Luật sư Công ty Luật Hoàng Long P&T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P (có mặt);

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị hại*: Ông **Bùi Đức Dũng** –Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông **Lã Thành Công** –Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Ngày 29/3/2021, bà **Hà Thị C**, có đơn khởi kiện gửi tới Tòa án nhân dân huyện T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại khu Chiềng 1, xã Kim Thượng, huyện T, tỉnh P với ông Hà Trần Lực, sinh năm 1974, địa chỉ: Khu Chiềng 3, xã Kim Thượng, huyện T, tỉnh P.

Trong quá trình giải quyết vụ án **bà C** muốn bán lại cây trồng trên phần đất đang có tranh chấp cho chị **Hoàng Thị D** sinh năm: 1983, địa chỉ tại: Khu Tân Lập, xã M, huyện T, tỉnh P. Qua trao đổi, chị Duy biết **bà C** đang khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nên đã giới thiệu mẹ của Mình là Hoàng Thị **M** để giúp **bà C** sớm giải quyết việc tranh chấp.

Sau đó, **bà C** đến gặp Hoàng Thị **M** và được **M** cho biết bản thân có mối quan hệ với cán bộ Tòa án huyện T cùng nhiều cán bộ cấp Tỉnh, tuy nhiên, muốn thắng kiện thì **bà C** phải chi số tiền 40.000*.000đ (bốn mươi triệu đồng)* để **M** đi lo công việc. **Bà C** đã chuyển đủ cho Hoàng Thị **M** số tiền như **M** yêu cầu nhưng **M** không giúp gì được, phát hiện ra **M** gian dối nên nhiều lần **Bà C** đòi lại tiền nhưng **M** không trả. Vì vậy, ngày 06/6/2022, **bà C** đã làm đơn tố giác tội phạm gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh P.

Cơ quan CSĐT Công an huyện T thụ lý tin báo tố giác tội phạm đã tiến hành điều tra, xác minh làm rõ: Từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2022 Hoàng Thị **M** yêu cầu bà **Hà Thị C** đưa tiền và chuyển khoản cho Hoàng Thị **M** 05 lần với tổng số tiền là 40.000.000đ. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 17/01/2022, bà **Hà Thị C** đi cùng anh Hà Văn Triệu, sinh năm: 1986 và chị Xa Thị Sáng, sinh năm 1984, đều trú tại xóm Vượng, xã Xuân Đài, huyện T đến nhà Hoàng Thị **M**. Quá trình nói chuyện, **M** đồng ý giúp **bà C** thắng kiện và yêu cầu **bà C** đưa cho **M** số tiền 10.000.0000đ *(mười triệu đồng)*, nhưng **bà C** không có tiền, nên hai bên thống nhất đưa trước 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)*. **Bà**

C đã vay anh Hà Văn Triệu số tiền này và nhờ anh Triệu chuyển vào số tài khoản "0362790186" Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank) chủ tài khoản Đinh Thị Thuy, là con dâu của Hoàng Thị **M**, đến ngày 19/01/2022 Thuy đi rút tiền mặt về đưa cho Hoàng Thị **M** sử dụng cho cá nhân hết số tiền trên.

Lần 2: Ngày 19/01/2022, Hoàng Thị **M** yêu cầu bà **Hà Thị C** đến nhà để hôm sau đi rút đơn tại Tòa án nhân dân huyện T và phải mang theo số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng). Do không có tiền nên bà **Hà Thị C** đã vay của Nguyễn Thị Minh, sinh năm: 1973; HKTT: Xóm Lấp, xã Xuân Sơn, huyện T; ngày 20/01/2022, chị Minh đã chuyển vào số tài khoản "0362790186" Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank) chủ tài khoản Đinh Thị Thuy. Ngày 20/01/2022 Thuy đi rút 5.000.000đ (năm triệu đồng), ngày 22/01/2022 Thuy đi rút 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) về đưa cho Hoàng Thị **M** sử dụng cho cá nhân hết số tiền trên.

Lần 3: Ngày 27/01/2022, Hoàng Thị **M** đến nhà bà **Hà Thị C** yêu cầu **bà C** đưa cho **M** số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) để **M** làm quà cho cán bộ ở tỉnh. Nhưng do **bà C** không có đủ tiền nên đã đưa cho **M** số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng), **M** đồng ý và cầm tiền về sử dụng cho cá nhân hết số tiền trên.

Lần 4: Ngày 03/3/2022, Hoàng Thị **M** đến nhà riêng của **bà C** yêu cầu **bà C** đưa số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) là tiền công mà **M** đi giải quyết lo việc, **bà C** chỉ đưa cho Hoàng Thị **M** số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) sử dụng cho cá nhân hết số tiền trên.

Lần 5: Ngày 19/4/2022, Hoàng Thị **M** cùng **bà C** đến Tòa án nhân dân huyện T để giải quyết công việc, sau khi làm xong, bà **M** yêu cầu **bà C** đưa số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để **M** đưa cho cán bộ Tòa án và mời cơm cán bộ UBND xã Kim Thượng, huyện T về việc xin khai thác đồi cây, **bà C** đồng ý, **M** nhận tiền và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố Bị cáo đã khai nhận toàn bộ các hành vi của mình như đã nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên Tòa ngày hôm nay, Bị cáo Hoàng Thị **M** cho rằng, trong tổng số 40.000.000 (bốn mươi triệu) đã nhận từ **bà C** thì 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) là Bị cáo vay **bà C** để khoan giếng, số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng) còn lại, trong đó: 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền công bị cáo **M** đưa **bà C** đi lại, 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiền dùng để mời cơm cán bộ UBND xã Kim Thượng, nhưng họ không nhận lời. Toàn bộ số tiền vay, tiền công đưa đi, tiền mời cơm hiện Bị cáo đã trả lại cho **bà C**.

b) Các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 13/10/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Hoàng Thị **M** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đối với chị Đinh Thị Thuy là con dâu của Hoàng Thị **M** và là người sử dụng số tài khoản "0362790186" của Ngân hàng TMCP Quân Đội, đã nhận số tiền 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) do **bà C** nhờ anh Hà Văn Triệu, chị Nguyễn Thị Minh chuyển khoản. Tuy nhiên, Thuy chỉ là người được Hoàng Thị **M** nhờ nhận tiền, rút tiền, Thuy không được hưởng lợi, không biết rõ nguồn gốc và mục đích

Hoàng Thị **M** sử dụng số tiền này nên không có căn cứ để xác định Thuy là đồng phạm với bị cáo **M**.

Đối với Hoàng Thị D - con gái Hoàng Thị **M** là người giới thiệu cho bà **C** về việc **M** có thể giúp bà **C** giải quyết tranh chấp đất tại Tòa án. Tuy nhiên, việc **bà C** gặp bị cáo **M** trao đổi nội dung gì, nhận tiền như thế nào Duy không biết, nên không có căn cứ để xử lý Duy với vai trò đồng phạm.

c) Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 03/CT-VKSTS ngày 27/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P đã truy tố Bị cáo Hoàng Thị **M** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1,2,4 Điều 36 Bộ luật hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị **M** từ 9 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã M, huyện T, tỉnh P nơi Bị cáo cư trú nhận được bản sao Bản án và Quyết định thi hành án. Giao UBND xã M, huyện T, tỉnh P giám sát, giáo dục. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo trong thời gian thi hành bản án.

Buộc Bị cáo Hoàng Thị **M** phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ tại cộng đồng không quá 04 (bốn) giờ trong một ngày và không qua 05 (năm) ngày trong một tuần.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số:01/LCĐKNCT–TA ngày 03/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận ngày 15/6/2022, Hoàng Thị **M** đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T số tiền 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng); ngày 20/6/2022, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bà **Hà Thị C** số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng); ngày 07/12/2022, Cơ quan CSĐT trả lại số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho Hoàng Thị **M**.

-*Về án phí*: Áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Miễn án án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Thị **M**.

d) Người bào chữa cho Bị cáo và trợ giúp viên bào chữa cho Bị cáo đề nghị: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Bị cáo không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

đ) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị hại đề nghị: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

e) Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho Bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay Bị cáo kêu oan sau đó Bị cáo lại thừa nhận hành vi phạm tội của mình không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Quá trình thẩm vấn tại phiên toà hôm nay Bị cáo Hoàng Thị **M** thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của Bị cáo, Bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 4/2022, Bị cáo Hoàng Thị **M**, không có nghề nghiệp, không có chức năng, nhiệm vụ quyền hạn liên quan đến việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nhưng Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối là có thể giúp giải quyết vụ án theo hướng có lợi cho bà **Hà Thị C** để Lừa đảo chiếm đoạt của **bà C** số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu).

Tại phiên Tòa Bị cáo cho rằng việc Bị cáo cầm 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) trong đó có 27.000.000đ (hai mươi bẩy triệu đồng) là tiền vay để đào giếng, 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền công Bị cáo đưa Bị hại đến các cơ quan có thẩm quyền, 6.000.000đ (sáu triệu đồng) là tiền dùng để mời cơm cán bộ UBND xã Kim Thượng nhưng bị từ chối, giữa hai bên là giao dịch dân sự, toàn bộ khoản tiền này đã được trả lại, hành vi của Bị cáo chỉ là dân sự.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thứ nhất, giữa Bị cáo và Bị hại không có mối quan hệ gì, kể từ khi được chị **Hoàng Thị D** là con gái Bị cáo giới thiệu, Bị hại mới biết Bị cáo, toàn bộ khoản tiền Bị hại đưa cho Bị cáo đều là khoản tiền mà Bị hại đi vay của người khác để đưa cho Bị cáo, bản thân Bị hại không có tiền, hơn nữa, khi đưa tiền các bên không viết bất cứ giấy tờ gì để xác nhận việc vay mượn. Như vậy, việc Bị cáo cho rằng số tiền 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) là khoản tiền Bị hại cho Bị cáo vay là không có căn cứ bởi: Khi chưa quen biết, bản thân không có sẵn tiền mà Bị hại lại vay tiền của người khác đưa tiền cho Bị cáo trả tiền thuê người đào giếng là không phù hợp với lẽ thông thường, việc này cần phải xác định là Bị hại đã tin tưởng Bị cáo có khả năng giúp Bị hại thắng kiện trong việc giải quyết vụ án tranh chấp đang được thụ lý tại Tòa án nên đã đưa tiền để Bị cáo giúp mình.

Thứ hai, đối với số tiền 5.000.000 (năm triệu đồng), Bị cáo cho rằng đấy là tiền công của mình khi dùng phương tiện đưa Bị hại đi đến các cơ quan có thẩm quyền. Giữa hai bên không có giao dịch nào thể hiện việc Bị hại nhờ Bị cáo đưa đi đến các cơ quan, tại phiên Tòa Bị cáo và Bị hại cũng thừa nhận Bị cáo không giúp gì cho Bị hại trong việc soạn thảo giấy tờ, tài liệu hoặc thay mặt cho Bị hại làm việc với các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, đủ cơ sở để khẳng định, đây là khoản tiền mà Bị cáo đã chiếm đoạt từ Bị hại.

Thứ ba, đối với số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng), Bị cáo cho rằng đây là Bị hại nhờ để giúp khai thác cây đang có tranh chấp, không được việc thì trả lại, trên thực tế thì Bị cáo không đến các cơ quan có thẩm quyền để giúp Bị hại xem xét về trình tự, thủ tục khai thác cây lâm nghiệm, mà chỉ là thủ đoạn của Bị cáo để buộc Bị hại đưa tiền cho mình.

Toàn bộ số tiền nêu trên, Bị hại đòi nhiều lần nhưng Bị cáo không trả, đến khi Bị hại có đơn tố cáo gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra thì Bị cáo mới hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho Bị hại. Như vậy, Bị cáo đã thực hiện xong toàn bộ việc chiếm đoạt tài sản của Bị hại.

Trong quá trình Bị cáo nhận tiền và sử dụng, những chuỗi hành vi của Bị cáo đã thể hiện, Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối, tạo niềm tin cho Bị hại để chiếm đoạt số tiền 40.000.000đ của Bị hại. Bị cáo đã có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, xâm phạm đến quan hệ về sở hữu là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ.

Như vậy, căn cứ vào những nhận định, đánh giá nêu trên, đã đủ cơ sở để kết luận hành vi của Bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại 1 Điều 174 Bộ luật hình sự:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…"

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội*: Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quan hệ về sở hữu là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, hành vi phạm tội của Bị cáo cần phải được xử lý thật nghiêm minh trước pháp luật, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- *Về nhân thân của Bị cáo:*Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, chấp hành tốt quy định của pháp luật và quy ước, hương ước ở khu dân cư.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phải chịu 1 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi tội phạm xảy ra, Bị cáo đã tích cực, bồi thường, khắc phục hậu quả do mình gây ra cho Bị hại. Quá trình

thẩm vấn tại phiên tòa Bị cáo thành khẩn khai báo nhận thức được hành vi phạm tội của mình đồng thời xin Hội đồng xét xử cho mức án nhẹ nhất. Tại phiên tòa ngày hôm nay Bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Bị cáo.Vì vậy, cần cho Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tạiđiểm b,s khoản 1và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản thân Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; có 2 (hai) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; gia đình có đơn xin bảo lãnh; bản thân Bị cáo có khả năng tự cải tạo nên xử Bị cáo ở hình phạt cải tạo không giam giữ theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; không cần cách ly Bị cáo khỏi xã hội mà cho Bị cáo được cải tạo tại địa phương là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự thì *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*. Đối với Bị cáo, hiện không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho Bị cáo là phù hợp.

[4] Đối với các vấn đề khác của vụ án:

Đối với chị Đinh Thị Thuy là con dâu của Hoàng Thị **M** và là người sử dụng số tài khoản "0362790186" của Ngân hàng TMCP Quân Đội, đã nhận số tiền 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) do **bà C** nhờ anh Triệu, chị Minh chuyển khoản. Tuy nhiên, Thuy chỉ là người được Hoàng Thị **M** nhờ nhận tiền, rút tiền, Thuy không được hưởng lợi, không biết rõ nguồn gốc và mục đích Hoàng Thị **M** sử dụng số tiền này nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xác định Thuy đồng phạm với Bị cáo **M** là phù hợp với quy định tại Điều 17 của Bộ luật hình sự.

Đối với **Hoàng Thị D** - con gái Hoàng Thị **M** là người giới thiệu cho **bà C** về việc **M** có thể giúp **bà C** giải quyết tranh chấp đất tại Tòa án. Tuy nhiên, việc **bà C** gặp **M** trao đổi nội dung gì, nhận tiền như thế nào Duy không biết, nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý Duy với vai trò đồng phạm là phù hợp với quy định tại Điều 17 của Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận ngày 15/6/2022, Hoàng Thị **M** đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T số tiền 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng); ngày 20/6/2022, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bà **Hà Thị C** số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng); ngày 07/12/2022, Cơ quan CSĐT trả lại số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho Hoàng Thị **M.**

[6] Về xử lý vật chứng: Không.

[7]Về án phí: Bị cáo là người Cao tuổi nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên và Bị hại là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đề nghị của, Luật sư bào chữa, Trợ giúp viên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị cáo, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. *Căn cứ kết tội, tội danh:*

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 khoản 1,2,4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố Bị cáo Hoàng Thị **M** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. *Trách nhiệm hình sự, hình phạt:*

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị **M** 12 (mười hai) tháng tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã M, huyện T, tỉnh P nơi Bị cáo cư trú nhận được bản sao Bản án và Quyết định thi hành án. Giao Bị cáo cho UBND xã M, huyện T, tỉnh P giám sát, giáo dục. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo trong thời gian thi hành bản án.

Buộc Bị cáo Hoàng Thị **M** phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ tại cộng đồng không quá 04 (bốn) giờ trong một ngày và không qua 05 (năm) ngày trong một tuần.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 01/LCĐKNCT-TA ngày 03/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận ngày 15/6/2022 Bị cáo nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T 42.000.000đ (bố mươi hai triệu đồng) ngày 20/6/2022, Cơ quan Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã trả lại cho bà **Hà Thị C** số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Ngày 07/12/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho Bị cáo 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền nộp thừa.

4. Vật chứng: Vụ án không thu giữ vật chứng.

5. Về án phí: Áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Hoàng Thị **M** không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- UBND nơi b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Văn Chí